

Bàn thêm về tinh thần Thiền học trong thơ Tuệ Trung Thượng sĩ

Trần Thị Thắm*, Nguyễn Văn Nam**

Nhận ngày 11 tháng 02 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 5 năm 2024.

Tóm tắt: Tuệ Trung Thượng sĩ là một thiền sư Phật giáo Đại thừa, thuộc dòng dõi hoàng tộc đời Trần. Với lối tu tập độc đáo, ông đã có những cải biến hài hoà giữa giáo lý Phật giáo và văn hoá truyền thống một cách linh hoạt. Ông là người đóng góp cho Phật giáo Việt Nam nhiều tư tưởng thiền học có giá trị đặc sắc, đưa ra các phương pháp thiền định để ứng dụng vào thực tiễn một cách hiệu quả như: *bất nhị, kiến tính, hoà quang đồng trần, nhập thế tùy duyên*. Bằng hệ thống ngôn từ giản dị, thơ ông như một phương tiện hữu dụng để lan toả tư tưởng thiền học Phật giáo, hướng đến việc thực hành chứng trong đời sống xã hội, đạo gắn liền với đời. Bài viết này phân tích biểu hiện của tinh thần thiền học Phật giáo với những quan điểm cụ thể của Tuệ Trung Thượng sĩ để thấy rõ tư tưởng của một thiền sư thời kì này.

Từ khóa: Thiền học, Phật giáo, Tuệ Trung Thượng sĩ.

Phân loại ngành: Văn học

Abstract: Tuệ Trung Thượng sĩ was a Mahayana Zen master, he was born in the royal family of the Trần Dynasty. With a unique practice style, he flexibly made harmonious changes between Buddhist teachings and traditional culture. He was a contributor to Vietnamese Buddhism with many unique meditation ideas, offering meditation methods for effective practical application such as *bất nhị, kiến tính, hoà quang đồng trần, nhập thế tùy duyên* (non-duality, *đr̥ṣṭi-svabhāva* (Kenshō - seeing essence), harmony with the world, enter the world depending on fate). Using simple words, his poetry serves as a useful means to disseminate Buddhist meditation ideas, aiming to practice Zen in secular life. This article analyzes the manifestation of the spirit of Buddhist meditation through the specific views of Tuệ Trung Thượng sĩ to clearly see the thoughts of a Zen master during this period.

Keywords: Zen studies, Buddhism, Tuệ Trung Thượng sĩ.

Subject classification: Literature

1. Đặt vấn đề

Thời đại Lý - Trần là một trong những giai đoạn phát triển rực rỡ nhất lịch sử các triều đại phong kiến Việt Nam về tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quân sự, ngoại giao và văn học nghệ thuật,... Nền văn học thời kì này nổi bật với những tác phẩm chứa đựng các thông điệp, triết lý Phật giáo gắn liền với bản sắc văn hóa dân tộc, tiêu biểu là thơ thiền. Nói đến những thành tựu xuất sắc của thơ thiền thời đại Lý - Trần, không thể không kể đến đóng góp của Tuệ Trung Thượng sĩ. Tuệ Trung Thượng sĩ (1230-1291) thuộc dòng dõi tôn thất nhà Trần (con của An Sinh Vương Trần Liễu), là vị tướng có nhiều công trạng trong hai cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông năm 1285 và 1287: “Ông có công hai lần trong việc ngăn bắc xâm lăng. Sau khi thắng chuyển giữ chức tiết độ sứ trấn giữ hải đạo Thái Bình. Sau ông lui về ấp Tịnh Bang (nay là huyện Vĩnh Lại,

*, ** Trường Đại học Tây Nguyên.

Email: tranthamdhntn@gmail.com

làng Yên Quảng) và đổi tên là Vạn Niên, tự hiệu là Tuệ Trung” (Nguyễn Lang, 2008: 211). Tuệ Trung còn được biết đến là nhà thơ, một thiền sư xuất sắc trong thời đại này. Ông có nhiều đóng góp cho nền văn học Phật giáo nói riêng và văn học trung đại Việt Nam nói chung qua các tác phẩm thơ ca mang tinh thần thiền học độc đáo, góp phần đặt nền móng cho thiền phái Trúc Lâm Yên Tử - một dòng thiền đậm đà bản sắc dân tộc Việt Nam. Tư tưởng thiền học cũng như nội dung thơ ca của Tuệ Trung Thượng sĩ gắn liền với hệ thống tư tưởng thiền đời Trần. Quan điểm thiền của ông có tính độc đáo “sống độc đáo, sống hết mình theo quy luật, theo tâm, không cần ai, không cần cạnh tranh ai, đó là thiền rồi, đi cũng thiền, ngồi cũng thiền” (Dương Ngô Ninh, 2019). Về cơ bản, thiền của Tuệ Trung toát lên tinh thần: tâm gắn liền với Phật (Phật tại tâm), vạn pháp trong tâm; đạo gắn liền với đời; pháp niệm Phật giáo và pháp tu thiền hòa làm một, phá chấp triệt để với tư tưởng cõi mờ, phóng khoáng “đạt đến trình độ thượng thừa của thiền” (Dương Ngô Ninh, 2019). Tinh thần thiền học của Tuệ Trung Thượng sĩ nổi bật với những nội dung: quan điểm *bất nhị* và *kiến tính*, tư tưởng *hòa quang đồng trần*, tinh thần *nhập thế* sâu sắc.

Đã có nhiều công trình nghiên cứu về Tuệ Trung Thượng sĩ, như: Thích Thanh Từ (2016), *Tuệ Trung Thượng sĩ ngữ lục giảng giải*, công trình này giảng giải các bài thơ trong *Thượng sĩ ngữ lục*, các câu chuyện trong *Đối cơ* và *Tụng cổ*. Hay: Nguyễn Duy Hình (1998), *Tuệ Trung - Nhân sĩ, Thượng sĩ, Thi sĩ*, gồm 3 chương, mỗi chương khai thác một vai trò của Tuệ Trung: xác định vị trí của Tuệ Trung trong lịch sử nước nhà và lịch sử Thiền tông Việt Nam, lý giải một số vấn đề thiền học theo quan điểm của Tuệ Trung, nghiên cứu tâm hồn và nghệ thuật thơ ca của Tuệ Trung. Công trình *Việt Nam Phật giáo sử luận* (Nguyễn Lang, 2008) đã đi sâu nghiên cứu cuộc đời Tuệ Trung và phân tích năm tư tưởng quan trọng trong tác phẩm của Tuệ Trung: hòa quang đồng trần, đập vỡ thái độ bám víu vào khái niệm, đập vỡ khái niệm lưỡng nguyên, phá vỡ những vấn đề giả tạo, điệu khúc bản lai tu cử xứ,.... Bên cạnh đó, có thể kể đến nhiều công trình khác nghiên cứu về Tuệ Trung ở những góc độ khác nhau như: Nguyễn Huệ Chi (1977) với *Trần Tung - Một gương mặt lạ trong làng thơ thiền thời Lý - Trần*, *Tuệ Trung Thượng sĩ với Thiền tông Việt Nam* (2000); Trần Thị Thu Hiền, *Những đóng góp của Tuệ Trung Thượng sĩ cho thơ thiền Việt Nam* (Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh),... Tuệ Trung Thượng sĩ cũng là đối tượng nghiên cứu của nhiều bài viết trên các báo, tạp chí,... Tựu chung, các công trình nghiên cứu về Tuệ Trung Thượng sĩ tập trung ở các vấn đề: cuộc đời và con người, tư tưởng thiền học của Tuệ Trung, tác phẩm văn chương của ông.

Trên cơ sở kế thừa các kết quả nghiên cứu đi trước, trong bài viết này, chúng tôi phân tích các biểu hiện thiền học trong một số tác phẩm thơ của Tuệ Trung Thượng sĩ để thấy rõ thấy rõ tư tưởng thiền của bậc chân tu thời kì này. Nguồn ngữ liệu khảo sát là các tác phẩm thơ trong cuốn *Thơ văn Lý - Trần*, *Quyển thượng* (Nguyễn Huệ Chi, 1998).

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tinh thần thiền học của Tuệ Trung Thượng sĩ gắn liền với quan điểm bất nhị và kiến tính

Trước hết, quan niệm “bất nhị” trong Phật giáo được hiểu là *không phải hai hay nhiều, cũng không phải một, mà là vô lượng hay không có số lượng*. Phật học tiểu thừa điển giải thích “bất nhị” là “không phân biệt đối với tất cả mọi hiện tượng” (dẫn theo (Tiểu Vũ, Đoàn Chi, 2021)). “Bất nhị” là không phải cái này, cũng không phải cái kia. “Bất nhị”

còn được gọi là “chân như”, “pháp tính”. “Bất nhị chỉ trạng thái siêu việt tuyệt đối, vượt khỏi mọi đối lập tương đối. Bất nhị là không hai. Không hai là không lạc vào hai cực đối đãi của một vấn đề, bản chất sự việc như to-nhỏ, cao-thấp, đi-về, một-nhiều... “Bất nhị” thường được xem như là phương pháp thuộc lĩnh vực nhận thức” (Tiểu Vũ, Đoàn Chi, 2021). Như vậy, *bất nhị* hiểu đơn giản là *không hai*, là sự buông xả tuyệt đối theo quan điểm nhà Phật; *bất nhị* cũng có nghĩa là tuyệt đối. Khái niệm “kiến tính” xuất phát từ thuật ngữ “kiến tính thành Phật”, được hiểu là nhìn thấy “tính”, nhận ra chân lý. Thiền tông chủ trương muốn thành Phật cần dùng trí tuệ Bát nhã soi chân tính của mình để giác ngộ. Cũng có quan niệm cho rằng “kiến tính dùng để chỉ các kinh nghiệm nếm vị giác ngộ ban đầu, cần được tu tập rèn luyện thêm, gọi là *kiến tánh khởi tu*” (Wikipedia, 2023).

Tuệ Trung là vị thiền sư ngộ đạo, nhìn thấu vạn vật bằng tâm thái bất nhị: “Lý bất nhị, tức thấy các pháp không hai, lìa nhị biên đối đãi, đối với tất cả hiện tượng không còn phân biệt hoặc vượt lên thứ phân biệt gọi là bất nhị” (Thích Minh Cảnh, 2011: 482). Điều này nghĩa là vượt qua giữa *chấp có* và *chấp không*, *được* và *mất* trong kiếp nhân sinh; nhìn mọi sự vật và hiện tượng với tâm bình đẳng, không phân biệt. Bằng tâm bất nhị, ông cho rằng mọi sự vật, hiện tượng trong thế giới đều có sự tương quan với nhau dù là sinh khởi hay hoại diệt. Từ đó, ông quan niệm sống buông bỏ về *ngã* (cái tôi), để chấm dứt nhân *sinh - tử* và hướng đến quả vị niết bàn. Trong bài thơ *Sinh tử nhàn chi dĩ*, ông từng viết: *Tâm chi sinh hề sinh tử sinh/ Tâm chi diệt hề sinh tử diệt/ Sinh tử nguyên lai tự tính không/ Thử huyễn hóa thân diệt đương diệt (Tâm sinh thì sống chết sinh/ Tâm diệt thì sống chết diệt/ Sống chết vốn là không có tự tính/ Cái thân do huyễn hóa tạo thành này rồi phải diệt)* (Nguyễn Huệ Chi, 1988: 282).

Theo Tuệ Trung, việc *được* và *mất*, *hạnh phúc* và *khổ đau* của con người cũng xuất phát từ cái tâm “bất nhị”, nếu dùng cái nhìn “bất nhị” thì có thể thấu rõ được pháp giới: *Bất sanh bất hoàn diệt/ Vô thủy diệt vô chung/ Dẫn năng vong nhị kiến/ Pháp giới diệt vô chung (Không sinh mà không diệt/ Không trước cũng không sau/ Nếu quên được cả ngã kiến và pháp kiến/ Thì bao hàm được cả pháp giới)* (Nguyễn Huệ Chi, 1988: 288).

Theo lẽ thường, người ta dựa trên kiến thức, kinh nghiệm hạn hẹp để đánh giá về bản thể hay hiện tượng trong vũ trụ này. Chính vì thế, ông khuyên con người cần nhận thức mọi vấn đề theo cái nhìn “bất nhị” để thoát khỏi mọi sự ràng buộc, từ đó có thể đạt tới sự uyên nguyên của vạn pháp trong thế gian. Về cái nhìn bất nhị, đức Phật từng nói: “Trong cái thấy, sẽ chỉ là cái thấy; trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe; trong cái thọ tưởng sẽ chỉ là cái thọ tưởng; trong cái thức tri, sẽ chỉ là cái thức tri” (Nguyễn Duy Nhiên, 2021). Nếu như chúng ta nhìn vạn vật theo *bất nhị* thì cội nguồn của tham - sân - si sẽ không sinh khởi; bởi khi đó, tâm ta tôn trọng nguyên bản của sự thật, không biến dạng nó bằng cái ham muốn và áp đặt chủ quan của chính mình.

Bài thơ *Đốn tỉnh* là một ví dụ cho cái nhìn *bất nhị* của ông: *“Đoán tri không hữu bất tương sa/ Sinh tử nguyên toàn nhất phái ba”(Đoán biết rằng “không” và “có” không cách nhau lắm/ Sống và chết vốn từ một đợt sóng)* (Nguyễn Huệ Chi, 1988: 269). Trong bài thơ này, Thượng sĩ khuyên chúng ta cần thức tỉnh về cuộc đời theo quan niệm của nhà Phật. Mọi sự ở đời đều là vô thường, không có gì là vĩnh viễn; do đó, bản chất của mọi sự vật, hiện tượng là *không*. Cũng như thế, sự sống và cái chết vốn là quy luật tất yếu, sống và chết cũng như nhau nên con người cần bình thản đón nhận mọi biến động trong đời, kể cả với cái chết. Triết lý *không* của nhà Phật đã góp phần định hình tư tưởng sống của con người, nâng đỡ tâm hồn họ trước mọi khổ đau, giúp họ thoát khỏi những cám dỗ đời thường. Khi xem nhẹ

cái chết, con người tự thức tỉnh đề hướng đến việc sống trọn vẹn, sống tốt đời đẹp đạo để không phải hối tiếc gì ở trần gian ngấn ngủi. Có thể khẳng định, quan niệm “bất nhị” là một tinh thần thiền học nổi bật trong thơ thiền Tuệ Trung Thượng sĩ. Dù ông không xuất gia tu hành nhưng thơ ông thấm thấu lời kinh Phật với những triết lý nhân sinh sâu sắc.

Bên cạnh quan niệm *bất nhị*, *kiến tính* cũng là một tinh thần Phật giáo đậm chất thiền trong thơ Tuệ Trung Thượng sĩ. Có thể xem quan điểm *kiến tính* của ông chính là tinh thần Phật tại tâm (Phật ở trong tâm), nhìn thấy rõ cái chân tính của vạn vật. Điều này phù hợp với chủ trương *son bản vô Phật, duy tồn hồ tâm* (trong núi vốn không có Phật, Phật ở ngay trong lòng). Với tư tưởng này, Phật giáo Thiền tông đã hướng đến sự giác ngộ của chân tâm thường tịnh, không có sự phân biệt giữa Phật với chúng sinh, “sự thật thành Phật ở đây lại không gì khác là nhận chân con người thật của mình, không ở đâu xa mà ngay chính cõi lòng. Khi con người chấp nhận Phật tại tâm thì cũng có thể hiểu việc tìm Phật là tìm lại bản tâm, tìm lại tấm lòng mình” (Thích Phước Đạt). Đây là quan điểm mới mẻ về sự bình đẳng giữa vạn vật nên “tính bình đẳng giải thoát của con người trước cuộc sống, đồng thời nó cũng đề xuất một thái độ sống để làm hoá hiện con người thật, con người giác ngộ từ trong cuộc sống vốn không bình đẳng” (Thích Phước Đạt). Theo Tuệ Trung, chỉ cần chúng ta cởi bỏ mọi ràng buộc ở thế gian thì có thể giác ngộ: *Phiên thân nhất tịch xuất phần lung/ Vạn sự đô lô nhập nhãn không/ Tam giới mang mang tâm liễu liễu/ Nguyệt hoa tây một nhật thăng đông (Vươn mình một cái vượt ra khỏi lồng/ Muôn việc đều như trò chơi, vào mắt cũng thành hư không/ Tam giới mênh mông cõi lòng sáng rõ/ Bóng trăng chìm xuống phương Tây, mặt trời mọc ở phương Đông)* (Nguyễn Huệ Chi, 1988: 243). Nghĩa là, muốn giác ngộ, con người cần “thoát thế” ra khỏi tam giới (dục giới, sắc giới, vô sắc giới). Khi con người thoát khỏi sự ràng buộc bởi ba giới trên thì tâm thức sẽ được giải thoát, tựa như quy luật vũ trụ: trăng lặn phía tây và mặt trời mọc ở phía đông.

Đối với Tuệ Trung Thượng sĩ, chỉ cần lòng mình sáng rõ thì *kiến tính* phát sinh trí tuệ, chúng ta có thể nhìn thấu vạn pháp bằng tâm thái của chư Phật. Có thể xem thái độ khẳng định của Tuệ Trung về *kiến tính* là một quan niệm độc đáo khi cởi bỏ mọi trói buộc của ngôn ngữ văn tự, giới luật, không còn phân biệt cao thấp, sang hèn. Tinh thần tự lực để đi đến *kiến tính* hiểu đơn giản là chúng ta cần dứt bỏ các tạp niệm *tham, sân, si*. Đức Phật từng nói: “Hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một điều gì khác” (Quảng Tánh, 2015).

Ứng dụng vào cuộc sống, *bất nhị* và *kiến tính* là những triết lý giúp con người tin vào chính mình và năng lực giác ngộ ở mỗi cá nhân. Như vậy, tinh thần thiền học về *bất nhị*, *kiến tính* trong thơ thiền Tuệ Trung Thượng sĩ không chỉ có giá trị trong lĩnh vực tu hành của Phật giáo mà còn có ý nghĩa đối với mọi tầng lớp trong xã hội, giúp con người có niềm tin vào bản thân, và góp phần xây dựng nhân sinh quan tích cực ở mỗi người.

2.2. Tinh thần thiền học thể hiện qua tư tưởng “hòa quang đồng trần” của Tuệ Trung Thượng sĩ

Hòa quang đồng trần được hiểu là sống trong lòng thế tục, hòa ánh sáng của mình trong cuộc đời bụi bặm. “Từ ngữ này có xuất xứ từ câu *hòa kì quang, đồng kì trần* của Lão tử. Trong Phật giáo, từ ngữ này được dùng để chỉ cho việc Phật, Bồ tát vì cứu độ chúng sinh phải ẩn giấu ánh sáng trí tuệ, dùng thân ứng hóa” (Cổng Thông tin Phật giáo Việt Nam, 2024). Có thể xem *hòa quang đồng trần* là triết lý sống hướng đến sự hòa hợp với

trần tục của người tu hành, sống khiêm tốn giữa thế gian; tư tưởng này đồng nghĩa với hình ảnh biểu trưng “lúa chín cúi đầu”. Đây là tinh thần nhập thế của đạo Phật, lấy ánh sáng của đức Phật thấp sáng trần gian; tu hành không có nghĩa là xa lánh cuộc đời, thoát ly khỏi cuộc đời trần tục; ngược lại, họ biến những triết lý của Phật giáo thành lý tưởng phụng sự cho đời, góp phần phát triển cá nhân và xã hội. Nhờ tư tưởng đầy nhân văn này mà đạo Phật trở nên gần gũi với mọi tầng lớp trong xã hội, trở thành điểm tựa tinh thần, soi rọi con người tự hoàn thiện mình. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với tiêu chuẩn đạo đức của cha ông, đồng hành với truyền thống của người Việt: hướng đến giá trị *chân - thiện - mỹ* trong mọi thời đại.

Hòa quang đồng trần là nền tảng Thiền học Phật giáo thời Lý - Trần, người tu hành luôn vì chúng sinh mà phụng sự. Tuệ Trung đưa trí tuệ của mình vào cuộc đời và luôn giữ thái độ chủ động, bất nhiễm, tự tại của bậc cao tăng đắc đạo để truyền bá giáo pháp. Theo ông, người tu tập có thể chứng nghiệm đạo quả giác ngộ ngay giữa dòng đời, bài thơ *Phóng cuồng ngâm* là một minh chứng cho tư tưởng này: “Hứng thời xuy hê vô không địch/ Tịnh xứ phân hê giải thoát hương” (*Hứng lên chừ thôi sáo không lỗ/ Lặng xuống chừ dứt giải thoát hương*) (Nguyễn Huệ Chi, 1988: 278). Trong tâm thế thiền tại gia, Tuệ Trung sống cuộc đời phóng túng, hòa mình cùng với thiên nhiên bình dị, tùy duyên theo ngẫu hứng với tâm thế thoát tục: có hứng thì “thôi sáo không lỗ”, tâm tĩnh lặng thì “giải thoát hương” chiêm bái với trời đất. Những câu thơ *phóng cuồng* đậm chất thiền của người quân tử khi đã trải qua nhiều thăng trầm biến cố của cuộc đời dâu bể; thái độ phóng túng khoáng đạt không giới hạn thể hiện tinh thần tự do tuyệt đối; *cuồng* nhưng không *ngông* mà đó là trạng thái cuồng nhiệt mạnh mẽ - thể hiện tư tưởng rũ bỏ sự ràng buộc của danh lợi quyền thế để tự giải thoát ngay giữa huyên náo của thế tục.

Với Tuệ Trung, thiền học là sự phá chấp tuyệt đối, không câu nệ sách vở mà hành đạo ngay trong cuộc đời. Thực tế đã chứng minh, với tấm lòng trung đạo tuyệt đối, ông đã hết lòng phụng sự cho tổ quốc trong hai lần chống ngoại xâm Nguyên - Mông. Nét độc đáo trong tư tưởng thiền của ông chính là tinh thần “vô ngã”, đề cao sự giác ngộ của tâm thức. *Hòa quang đồng trần* của Tuệ Trung là thái độ hòa mình vào thực tại để thực hiện nghĩa vụ tu hành ở đời, cống hiến cho tổ quốc và nhân dân. Ông sống trong lòng nhân dân, từ bỏ danh gia vọng tộc để dẫn dắt, giáo hoá người đời theo Phật pháp. Ông ứng dụng những thuyết giáo của đạo Phật vào cuộc sống thực tiễn. Quan điểm dứt khoát của bậc quân tử đã toát lên vẻ ung dung tự tại của một thiền sư nơi trần thế: “Thiền thiền khoát bộ nhập trần lai/ Hoàng sắc my đầu đỉnh đỉnh khai” (*Xăm xăm rộng bước đi vào chốn cát bụi/Lông mi sắc vàng mạnh mẽ giương lên*) (Nguyễn Huệ Chi, 1988: 247). Có thể thấy rõ: đạo mà Tuệ Trung tu tập và truyền tải cho mọi người là lối sống tự do, tự tại và tự mình thức tỉnh để đi vào cảnh giới niết bàn của chư Phật.

Hòa quang đồng trần là một trong những nguyên tắc được đề cao trong Kinh Phật, thể hiện tinh thần nhập thế của người tu hành; là cách hành xử uyển chuyển, thích nghi với hoàn cảnh thời đại, nơi chốn và con người cụ thể. Con đường hành đạo của Tuệ Trung gắn liền dấu ấn thăng trầm của lịch sử nước nhà. Ý thức được sứ mệnh của mình, ông luôn đề cao phát triển đạo đức con người gắn với việc xây dựng sự hưng thịnh của đất nước. Trong *Phật tâm ca*, ông từng viết: *Dục cầu tâm/ Hưu ngoại mịch/ Bản thể như như tự không tịch/ Niết bàn sinh tử mạn la lung/ Phiền não bỏ để nhân đối địch* (*Muốn tìm tâm/ Đừng tìm ở bên ngoài/ Bản thể của nó cứ như thế và không tịch/ Niết bàn và sinh tử ràng buộc lỏng lẻo thôi/*

Phiền não và bỏ để coi thường cả sự đối nghịch của chúng) (Nguyễn Huệ Chi, 1988: 271). Theo Tuệ Trung, việc đi tìm cái tâm Phật của mình cần: “*Phản quan tự kỷ bốn phận sự, bất tùng tha đắc*” (*soi sáng chính mình là gốc, chẳng tìm nơi khác mà được*) (Thích Thanh Từ, 2016: 61). Trí tuệ của Thượng sĩ còn thể hiện ở việc ông đem giáo lý Phật đạo vào dân gian với ngôn ngữ bình dị, giúp mọi người tỉnh thức và tu tập trong đời sống thế tục.

Tư tưởng *hòa quang đồng trần* của Tuệ Trung là sự dung hợp tam giáo đồng nguyên, nghĩa là sự dung hoà giữa Nho - Phật - Lão, cùng hoà hợp để xây dựng nên một đời sống tâm linh mang màu sắc riêng của văn hoá dân tộc, “đọc kỹ các tác phẩm văn học Phật giáo Lý - Trần, chúng ta sẽ dễ nhận thấy tinh thần điều hòa, dung hợp này... Nhờ thế mà các nhà tu hành có cái nhìn thông thoáng, có thái độ sống cởi mở, phá chấp. Người tu hành không bắt buộc phải cạo đầu xuất gia, phải từ giã gia đình vào chùa mà họ có thể tu tập, thiền định ngay giữa cuộc đời, trong gia đình và cũng có thể chứng ngộ” (Nguyễn Công Lý, 2002). Đây cũng là quan điểm nổi bật của các vị thiền sư thời đại Lý - Trần: “Không Tử, Lão Tử, Thích Ca đều là bậc chí thánh, tùy thời đem ứng dụng vào các vật, giáo lý tuy khác nhau nhưng nội ngoại đều có thể hỗ trợ nhau, cùng có lợi cho quần sinh. Muôn việc đều có thể dựa vào Tam giáo” (Nguyễn Tài Thư, 1999: 12). Như vậy, có thể xem thiền vừa là phương tiện tôn giáo vừa là thái độ sống của các bậc chân tu thời kì này.

Các thiền sư trong giai đoạn lịch sử này đã dung hòa, chất lọc những tinh hoa của các tư tưởng khác nhau, phù hợp với thực tiễn cuộc sống, tạo nên nền tảng lý tưởng vững chắc để hướng tới việc tốt đời đẹp đạo. Đây là việc làm có ý nghĩa vì “trên cơ sở bình đẳng vô sai biệt đối với vạn pháp của nhà Phật để dàng cởi bỏ những vướng mắc câu chấp, nhị nguyên và sống trọn vẹn với chân lý” (Quảng Thảo, 2007: 8). Chịu ảnh hưởng điều này, thơ của Tuệ Trung Thượng sĩ đã thoát ra khỏi khuôn khổ thông thường để tạo ra sự khai phóng, cởi mở: “Hoặc cao cao hê vân chi sơn/ Hoặc thâm thâm hê thủy chi dương/ Cơ tắc xan hê hoà la phạn/ Khôn tắc miên hê hà hữu hương” (*Hoặc cao cao chừ, mây đỉnh núi/ Hoặc sâu sâu chừ, nước trùng dương/ Đói thì ăn chừ, cơm tùy ý/ Một thì ngủ chừ, làng không làng*) (Nguyễn Huệ Chi, 1988: 278). Thơ Tuệ Trung toát lên tinh thần tùy duyên linh hoạt, thích nghi với mọi hoàn cảnh, do vậy “thiền học của Thượng sĩ mang tinh thần nhập thế, hài hòa, tích cực, không gây đối kháng, tạo lực hòa giữa đại chúng, nâng cao ý thức trách nhiệm công dân, nhờ vậy mà tạo nên sức mạnh tổng hợp trên mọi lĩnh vực” (Thích Nữ Tâm Vương, 2023).

Ở Tuệ Trung, ta còn thấy được tính thiền toát lên về định tâm, tuệ sáng bởi ông quan niệm “nếu cứ ngồi tụng kinh, gõ mõ, niệm Phật mà không thể nhập Phật tánh thì không bao giờ giác ngộ được; nếu chấp vào hình thức sẽ tự trói buộc mình” (Thích Nữ Tâm Vương, 2023). Điều này tạo ra một thiền sư Tuệ Trung đạt ngộ sâu sắc “nếu như vua Trần Thái Tông được ví như người châm bó đuốc đầu tiên cho thiền học thời Trần, thì Tuệ Trung Thượng sĩ chính là người thổi bùng lên ngọn đuốc thiền ấy, để ánh sáng thiền chiếu tỏ dân tộc Đại Việt; tư tưởng *vạn pháp chi tâm tức Phật tâm* và *hòa quang đồng trần* của ngài chính là biểu hiện của tinh thần Bồ tát sẵn sàng dẫn thân vào đời” (Thích Nữ Tâm Vương, 2023). Có thể thấy tinh thần *hòa quang đồng trần* của Tuệ Trung Thượng sĩ là một bài pháp vô ngôn dành cho giới Phật tử và nhân dân. Do đó, tư tưởng *hòa quang đồng trần* của Tuệ Trung giúp cởi bỏ những khuynh hướng cố chấp để hoà hợp trong đời sống của nhân dân trên tinh thần bảo vệ đất nước, xây dựng và kiến thiết quốc gia.

2.3. Tinh thần thiền học của Tuệ Trung gắn liền với thái độ nhập thế linh hoạt

Nhập thế là một khái niệm có nguồn gốc từ Nho giáo, hiểu một cách đơn giản là người tu hành hòa mình vào đời sống xã hội, đóng góp tích cực cho sự phát triển của đất nước.

Tinh thần này có gốc rễ từ tư tưởng *tùy duyên lạc đạo* trong Phật giáo. “Thái độ này xuất phát từ lòng từ, lòng nhân và được soi sáng bởi trí tuệ (chánh kiến). Tinh thần của hành động này là hiểu được quy luật cuộc sống, cái tâm con người luôn giữ mình hợp với đạo. Đây là hành động sống tích cực, thể hiện bản lĩnh vững vàng, không cố chấp, câu nệ, hẹp hòi; tinh thần này giúp con người thích nghi với mọi hoàn cảnh, khai thông được những bế tắc” (Trần Thị Thắm, 2018: 82). Tinh thần *nhập thế* ở thời đại Lý - Trần được các thiền sư ứng dụng nhuần nhuyễn và linh động trong từng hoàn cảnh, “đôi với các Ngài thì sự tu học gắn liền với mọi sinh hoạt của cuộc sống đời thường, và liên hệ chặt chẽ với những hoạt động của mọi người trong xã hội” (Thích Đạo Phong, 2019). Chứng minh cho tinh thần này, họ đã cống hiến trọn đời mình cho nhân dân và đất nước bởi người có lòng từ bi không thể làm ngơ trước nỗi khổ đau của vận mệnh dân tộc và nhân dân trong cảnh nước mất nhà tan.

Với Tuệ Trung, người tu hành không có nghĩa ẩn mình trong chốn thâm sơn cùng cốc mà còn phải “*gánh vác việc đời, không xa lánh cõi đời*” (Quảng Thảo, 2007: 1243). Xuất thân là dòng dõi hoàng tộc, trong hoàn cảnh lịch sử có nhiều biến cố xảy ra với đất nước, ông thể hiện rõ khí phách: “*Xăm xắm cất bước vào bụi vòng/ Vàng óng đầu mi, rướn rướn trông/ Bụng ngựa rong chơi, này xóm Bắc/ Thai lừ lạc bước, nọ nhà Đông*” (Nguyễn Huệ Chi, 1988: 248). Bản lĩnh nhập thế của bậc chí nhân quân tử được thể hiện rõ trong tính từ “xăm xắm”, đó là thái độ dám xông pha hết mình, không sợ hãi ở chốn đời bụi bặm; coi việc ra vào trong ba cõi nhẹ nhàng như vui đùa. Ông cũng thể hiện sự tùy duyên nhập thế linh hoạt trong mọi hoàn cảnh *Trâu bùn chạy tuốt, roi vàng đuổi/ Cọp đá lôi về, dây sắt giông* (Nguyễn Huệ Chi, 1988: 248). Ứng dụng thuyết pháp nhập thế của người tu hành, trong các cuộc kháng chiến chống quân Mông-Nguyên xâm lược, Tuệ Trung đã sát cánh cùng quân dân nhà Trần bảo vệ non sông đất nước, lập nên những chiến công hiển hách với lòng mưu trí, dũng mãnh và oai hùng của một chính trị gia xuất sắc. Tinh thần nhập thế này chính là phẩm chất vô úy (không sợ hãi) của nhà Phật. Chính sự vô úy này “đã ảnh hưởng sâu sắc đến tâm thức con dân nhà Trần nói riêng và thậm chí nhân loại nói chung, tạo nên một Đại Việt với tinh thần bất khuất, quật cường, không sợ sống chết. Điều ấy đã tạo nên sức mạnh tập thể, là một trong những nguyên nhân để đất nước Đại Việt bé nhỏ chiến thắng được bao cuộc chiến tranh, xâm lược của các đế quốc hùng mạnh” (Thích Nữ Tâm Vương, 2023).

Xuất phát từ tinh thần nhập thế sâu sắc, Tuệ Trung xem nhẹ cái chết: *Ngư nhân điên đảo bỏ sinh tử/ Trí giả đạt quan nhàn nhi dĩ* (Người ngư điên đảo tử và sinh /Bậc trí, từ sinh thường thôi vậy) (Nguyễn Huệ Chi, 1988: 283). Cả cuộc đời của Thượng sĩ đã cống hiến trọn vẹn cho đạo và đời. Ngài đã thực hành những triết lý của Phật giáo vào cuộc sống một cách thuyết phục nhất: là bề tôi trung đạo, hành động theo lý tưởng của bậc anh hùng, xả thân vì tổ quốc; giác ngộ buông xả khi đã thực hiện xong nhiệm vụ lịch sử của mình một cách tự tại, ung dung. Đóng góp to lớn của Tuệ Trung còn thể hiện ở chỗ “đã đưa thiền học nhập thế với cuộc đời, khiến Phật giáo ăn sâu bám rễ và phát triển trong đời sống thế tục, đáp ứng nhiều căn cơ” (Thích Nữ Viên Giác, 2021).

Tinh thần thiền học nhập thế của Tuệ Trung luôn là sự phá chấp: phá bỏ định kiến thường thức, vượt lên trên ngôn ngữ, luận lý, giáo lý; đổi mới nhận thức, hành động. Tư tưởng thiền học tích cực của Tuệ Trung đã góp phần đưa Phật giáo đến với đông đảo người dân lúc bấy giờ, góp phần thức tỉnh mỗi cá nhân hành động vì dân vì nước, có thể khẳng định Tuệ Trung là “mẫu người cư sĩ trí thức xuất sắc của thiền học Đại Việt, thiền học Trúc Lâm cũng

như Phật giáo Việt Nam” (Thích Nữ Viên Giác, 2021). Tinh thần tùy duyên nhập thế của ông còn biểu hiện ở sự hoà hợp với mọi người, ông khuyên nhủ đại chúng khi đến nơi nào đó phải tuân theo các lễ nghi thì có thể: “*Khóa quốc hân nhiên tiện thoát y/ Lễ phi vô dã, tục tùy nghi*” (Đến xứ trần cứ vui vẻ mà bỏ áo/ Không phải quên lễ nghi, chỉ tùy theo thói tục mà thôi” (Nguyễn Huệ Chi, 1988: 257). Như vậy, theo Tuệ Trung, việc tùy duyên sống ở đời là một phương pháp thiền học rất cao thượng, giúp con khai phóng, cởi mở, luôn thuận theo mọi việc trong cuộc sống.

Tinh thần nhập thế chủ động của Tuệ Trung đã giúp cho tu sĩ thời đại này dù tu học tinh chuyên nhưng vẫn nhập thế, tùy duyên linh động để sống hòa hợp yên vui. Tinh thần này giúp ta quan sát vạn vật bình thân trong sự vận hành của chữ *duyên*. Con đường ngộ đạo hợp tình, đúng nghĩa sẽ nhanh đến bờ giác ngộ và đó là cốt lõi của tinh thần nhập thế trong thơ ca của Tuệ Trung Thượng sĩ nói riêng và thiền học Lý - Trần nói chung. Thiền học đã trở thành ý thức hệ của Tuệ Trung và các thiền sư Lý - Trần lúc bấy giờ, cơ sở để dòng thiền này tồn tại một cách vững chắc là tinh thần dân dân tộc và thái độ thái độ “lấy tâm lòng của thiên hạ làm tâm lòng mình, lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình” (Thích Phước Đạt).

3. Kết luận

Vận dụng tư tưởng Phật giáo Thiền tông, Tuệ Trung đã ứng dụng linh hoạt và sáng tạo những quan điểm tích cực của dòng thiền này vào việc giác ngộ và chuyển hóa tâm thức con người. Với tinh thần *bất nhị, kiến tính, hòa quang đồng trần và nhập thế tùy duyên*, Tuệ Trung Thượng sĩ đã đưa đạo vào đời một cách thuyết phục, xứng đáng là bậc đại sĩ trong con đường tu tập theo tôn chỉ của Phật giáo. Tinh thần đạo pháp của ông luôn đồng hành với sự tồn vong của dân tộc, cống hiến hết mình cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước Đại Việt lúc bấy giờ. Cuộc đời và hành trạng của ông đã chứng minh cho vai trò của thiền học trong đời sống: hướng tới con người, vì con người. Tư tưởng thiền của ông kế thừa tư tưởng thiền học thời kì trước và đặt nền móng cho tư tưởng thiền học của Thiền phái Trúc Lâm sau này. Với *bất nhị* và *kiến tính*, Tuệ Trung mở ra một khuynh hướng tu tập cởi mở, phá chấp triệt để, ứng dụng tinh thần *Bồ tát hạnh* để vừa chuyên tu thiền vừa vừa phụng sự nhân sinh, ung dung tự tại trong mọi hoàn cảnh khi đã đắc pháp thiền. Tư tưởng *hòa quang đồng trần* cho thấy sự hoà mình vào đời sống của ông với tâm thái bất nhiễm. Việc thực hành *tùy duyên nhập thế* với trạng thái chủ động, linh hoạt của ông đã đưa Phật giáo gần gũi với nếp sống của người Việt, phù hợp với truyền thống tín ngưỡng của cha ông, phát huy tối đa vai trò của Phật giáo trong tất cả mọi mặt của xã hội thời kì này, kết nối quá khứ - hiện tại - tương lai qua phương thức thiền mới mẻ. Tất cả những điều này đã góp phần tạo nên một Tuệ Trung Thượng sĩ tên tuổi, xứng đáng là bậc chân tu của Phật giáo đời Trần nói riêng và Phật giáo Việt Nam nói chung.

Tài liệu tham khảo

- Chùa Thiền Tông Tân Diếu. (2015). Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền. <https://thientong.com/bat-lap-van-tu-giao-ngoai-biet-truyen/>
- Công Thông tin Phật giáo Việt Nam. (2024). Hòa quang đồng trần. <https://phatgiaio.org.vn/tu-dien-phat-hoc-online/hoa-quang-dong-tran-k34469.html>
- Dương Ngô Ninh. (2019). *Tư tưởng thiền của Trần Thái Tông và Tuệ Trung Thượng sĩ*. <http://tuyengiao.bacgiang.gov.vn/bantuyengiao/2016/Tu-tuong-Thien-cua-Tran-Thai-Tong-va-Tue-Trung-Thuong-si>

- Nguyễn Công Lý. (2002). Tinh thần dung hợp tư tưởng Phật- Lão- Nho trong văn học Phật giáo thời Lý - Trần. Tạp chí *Hán Nôm*. Số 2. <http://www.hannom.org.vn/web/tchn/data/0202v.htm>
- Nguyễn Duy Nhiên. (2021). *Bài kinh Bahiya - Năm phút nhiệm màu*. <https://phatgiaio.org.vn/bai-kinh-bahiya--nam-phut-nhiem-mau-d47741.html>
- Nguyễn Huệ Chi. (Chủ biên). (1988). *Thơ văn Lý - Trần*. t.2). Nxb. Khoa học xã hội.
- Nguyễn Huệ Chi. (1977). Trần Tung - Một gương mặt lạ trong làng thơ thiền thời Lý - Trần. Tạp chí *Văn học*. Số 4.
- Nguyễn Lang. (2008). *Việt Nam Phật giáo sử luận*. Nxb. Văn học.
- Nguyễn Tài Thư (1999). Tam giáo đồng nguyên - hiện tượng tư tưởng chung của các nước Đông Á. Tạp chí *Hán Nôm*. Số 40.
- Quảng Tánh. (2015). *Tự mình là ngọn đèn cho chính mình*. <https://thuvienhoasen.org/a22474/tu-minh-la-ngon-den-cho-chinh-minh>
- Quảng Thảo. (2007). *Chân dung con người trong thơ thiền Lý - Trần*. Nxb. Tôn giáo.
- Thích Đạo Phong. (2019). Tinh thần nhập thể của Phật giáo Việt Nam thời Lý - Trần. <https://phatgiaohanoi.vn/tinh-than-nhap-the-cua-phat-giao-viet-nam-thoi-ly-tran.html>
- Thích Gia Giang. Bước đầu tìm hiểu tư tưởng "Bất nhị pháp môn" qua bài kệ thị tịch của Phật hoàng Trần Nhân Tông. <https://tnti.vnu.edu.vn/8337>.
- Thích Minh Cảnh. (2011). *Từ điển Phật học Huệ Quang* (tập 1). Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
- Thích Minh Châu (2015). *Kinh Tiểu Bộ* (tập 1). Nxb. Tôn giáo.
- Tiểu Vũ, Đoàn Chi. (2021). Thơ Thiền Việt Nam (Bài 13): Tư tưởng Pháp môn Bất Nhị trong bài thị tịch của Phật hoàng Trần Nhân Tông. <https://baophapluat.vn/tho-thien-viet-nam-bai-13-tu-tuong-phap-mon-bat-nhi-trong-bai-thi-tich-cua-phat-hoang-tran-nhan-tong>
- Thích Nữ Tâm Vương. (2023). Tinh thần bồ tát nhập thể của Tuệ Trung Thượng sĩ. <https://thuvienhoasen.org/a39651/tinh-than-bo-tat-nhap-the-cua-tue-trung-thuong-si>
- Thích Nữ Viên Giác. (2021). *Tìm hiểu một số đặc sắc tinh thần thiền học của Tuệ Trung Thượng sĩ qua Tuệ Trung Thượng sĩ ngữ lục*. <https://thuvienhoasen.org/a36873/tim-hieu-mot-so-dac-sac-tinh-than-thien-hoc-cua-tue-trung-thuong-si-qua-tue-trung-thuong-si-ngu-luc>
- Thích Phước Đạt. Trần Thái Tông với tư tưởng Phật giáo Trúc Lâm đời Trần. <https://tnti.vnu.edu.vn/tran-thai-tong-voi-tu-tuong-phat-giao-truc-lam-doi-tran/>
- Thích Thanh Từ (2016). *Tuệ Trung Thượng sĩ ngữ lục giảng giải*. Nxb. Văn hóa - Văn nghệ.
- Trần Thị Thắm. (2018). Triết lý tùy duyên trong một số ca từ của Trịnh Công Sơn. Tạp chí *Ngôn ngữ và Đời sống*. Số 2.
- Wikipedia. (2023). Kiến tính. https://vi.wikipedia.org/wiki/Kiến_tính